TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 21/8/2017.
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình..

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Cương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thế Hằng.**

Chức vụ: Cán bộ hưu trí thị trấn EaKar, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông **Y Nik Êban.**

Chức vụ: Cán bộ hưu trí thị trấn EaKar, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Thư ký phiên toà: Ông **Y Kăn Niê** – Thư ký Toà án nhân dân huyện EaKar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Phượng** - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 21/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện EaKar, Toà án nhân dân huyện EaKar mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2017/HNGĐ - ST, ngày 04/01/2017, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà **Đặng Thị H,** sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn 2A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - *Có mặt*.

2. **Bị đơn**: Ông **Nguyễn Văn C,** sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 2A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - *Vắng mặt*.

NÔI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 1999. Chúng tôi đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 5 năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Qúa trình chung sống vợ chồng

hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, ông C thường xuyên bài bạc, trai gái và nhiều lần đánh đập tôi. Đã nhiều lần tôi cho ông C cơ hội nhưng ông C không sửa đổi. Nay tôi xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Qúa trình chung sống với nhau tôi và ông Nguyễn Văn C có 03 con chung là: Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/11/2000; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/02/2002 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/2007.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/11/2000; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/02/2002 và giao con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/2007 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và ông C có tạo lập được một số tài sản chung bao gồm:

+ Diện tích 3730m^2, thửa đất số 47, tờ bản đồ số 08, đã được Uỷ ban nhân dân huyện EaKar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 509419 ngày 17/11/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H. Trên đất có 150 cây cà phê, 150 trụ tiêu.

+ Diện tích 5730m^2, thửa đất số 41, tờ bản đồ số 8, đã được Uỷ ban nhân dân huyện EaKar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 509418 ngày 17/11/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H.

Ngoài ra, tài sản chung còn có 01 bộ bàn ghế; 01 giàn xay xát lúa.

- Về công nợ: Hiện nay tôi và ông Nguyễn Văn C còn nợ các khoản sau:

+ Nợ Ngân hàng S – Phòng giao dịch K số tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất.

+ Nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000 đồng.

+ Nợ ông Nguyễn Văn U số tiền 30.000.000 đồng.

+ Nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 50.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Qúa trình giải quyết vụ án tôi đã làm đơn xin rút một phần đơn khởi kiện về phần tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 17/01/2017 và biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:***

Tôi và bà Đặng Thị H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1999. Chúng tôi đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 5 năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Qúa trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do làm ăn gặp nhiều khó khăn, tính tình không hợp. Nay bà Hiền làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với tôi thì tôi đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Tôi và bà Đặng Thị H có 03 con chung, các cháu tên là: Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/11/2000; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/02/2002 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/2007.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng tôi.

- Về tài sản chung: Tôi xác nhận, tôi và bà H có tạo lập được một số tài sản chung bao gồm:

+ Diện tích 3730m^2, thửa đất số 47, tờ bản đồ số 08, đã được Uỷ ban nhân dân huyện EaKar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 509419 ngày 17/11/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H. Trên đất có 150 cây cà phê, 150 trụ tiêu.

+ Diện tích 5730m^2, thửa đất số 41, tờ bản đồ số 8, đã được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 509418 ngày 17/11/2009 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H.

Ngoài ra, tài sản chung còn có 01 bộ bàn ghế; riêng 01 giàn xay xát lúa bà H trình bày là không có.

- Về công nợ: Tôi chỉ xác nhận hiện nay tôi và bà Đặng Thị H còn nợ Ngân hàng S – Phòng giao dịch K số tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất. Ngoài ra, chúng tôi không còn nợ ai khác.

Về tài sản chung, nợ chung của tôi với bà H thì nay bà Hiền đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung, nợ chung thì tôi đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

Qúa trình Tòa án giải quyết vụ án tôi đã nhận được giấy triệu tập đương sự, các thông báo hòa giải nhưng do điều kiện công việc bận rộn nên tôi không tham gia giải quyết vụ án thường xuyên được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với bà Hiền cũng như xem xét nguyện vọng của tôi về con chung, còn việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và tôi không có ý kiến gì thêm.

Căn cứ vào Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/8/2017, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C và có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/11/2000; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/02/2002 và giao con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/2007 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Điều 198 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn C xảy ra rất trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị H để cho bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Xét nguyện vọng giao 02 cháu là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/11/2000; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/02/2002 cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/2007 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của bà H tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị H đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đơn khởi kiện của bà Đặng Thị H đề ngày 28/12/2016, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là " Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 21/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C.

[3] V*ề quan hệ hôn nhân*: Sau thời gian tìm hiểu, bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn C xây dựng gia đình trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K vào ngày 27/5/2004. Qúa trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông C thường xuyên bài bạc, trai gái và nhiều lần đánh đập bà H, điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, làm ăn gặp nhiều thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 21/7/2017, địa phương nơi bà H, ông C sinh sống xác nhận: Từ đầu năm 2013 đến nay vợ chồng bà H, ông C thường xảy ra mâu thuẫn, chửi bới, xúc phạm nhau, bà H có báo với địa phương về việc ông C đánh đập và địa phương cũng đã can thiệp nhưng không có kết quả.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn C không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

[4] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn C có ba con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/11/2000; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/02/2002 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/2007. Tại phiên tòa bà Đặng Thị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị Huyền T và giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/2007 cho ông C nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Xét ý kiến của bà H tại phiên tòa phù hợp với một phần nguyện vọng của ông C. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần giao 02 con chung Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị Huyền T cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc và giao con chung Nguyễn Văn H cho ông C nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Đặng Thị Hiền và ông Nguyễn Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được quyền cản trở.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/4/2017 bà Đặng Thị H làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung và nợ chung.Vì vậy, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Đình chỉ giải quyết một phần vụ án về phần tài sản chung, nợ chung theo đơn khởi kiện của bà Đặng Thị H.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Bà Đặng Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H.

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- **Về con chung**: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/11/2000; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 06/02/2002 cho bà Đặng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/2007 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Văn C không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Đình chỉ giải quyết một phần vụ án về phần tài sản chung, nợ chung theo đơn khởi kiện của bà Đặng Thị H.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng mà bà Đặng Thị H (bà Phạm Thị P nộp thay) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0036721, ngày 28/12/2016.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị H số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung mà bà Đặng Thị H (bà Phạm Thị P nộp thay) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0036722, ngày 28/12/2016.

Nguyên đơn bà Đặng Thị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Cương